TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH-** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/DS-ST
Ngày: 04/5/2023
Về việc: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH- TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hà Ứng Cương**
2. Ông **Danh Đẹp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Quyên**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Nam**- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXX-ST, ngày 07 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trương Thị N**, sinh năm 1957
Địa chỉ: Số X, tổ Y, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K.

2. Bị đơn: Bà **Ngô Thị G**, sinh năm 1959
Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Nguyễn Thị Phương D**, sinh năm 1996
Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K.

(Tại phiên tòa, bà Trương Thị N có mặt,
bà Ngô Thị G, chị Nguyễn Thị Phương D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2023, bản tự khai của bà Trương Thị N ngày 16/3/2023, biên bản lấy lời khai bà Ngô Thị G và bản tự khai của chị Nguyễn Thị Phương D ngày 23/3/2023, nội dung biên bản không hòa giải được ngày 07/4/2023, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung như sau:

** Bà Trương Thị N trình bày:*

Vào ngày 01/4/2021 âm lịch, bà Ngô Thị G có vay của tôi số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1.500.000 đồng/tháng, tiền lãi phải trả hàng tháng, thời hạn vay là 12 tháng. Khi bà Ngô Thị G hợp đồng vay tiền của tôi thì hai bên có ký kết "Giấy vay tiền, thế chấp căn nhà" ngày 01/4/2021, việc ghi nội dung

bà Ngô Thị G thế chấp cho tôi căn nhà sàn của bà Giang đang ở là để làm tin cho việc bà Ngô Thị G vay tiền của tôi, nhà không có giấy tờ, chứ thực tế không có việc thế chấp này, bà G vẫn trực tiếp quản lý, sử dụng nhà của bà G, khi đó có mặt tôi và bà Ngô Thị G, con gái của bà G là chị Nguyễn Thị Phương D không tham gia và không biết sự việc này, chữ ký D và họ tên Nguyễn Thị Phương D có trong "Giấy vay tiền, thế chấp căn nhà" ngày 01/4/2021 là do bà G nhờ người ta ký thay chị D rồi bà G giao lại "Giấy vay tiền, thế chấp căn nhà" ngày 01/4/2021 cho tôi giữ, ai ký thay chị D thì tôi không biết. Sau khi vay tiền của tôi thì bà Ngô Thị G chỉ trả cho tôi được hai tháng tiền lãi với tổng số tiền là 3.000.000 đồng, không trả tiền gốc và tiền lãi còn lại cho tôi theo giao kèo. Sau khi ấp V hòa giải, bà Ngô Thị G có trả thêm được cho tôi số tiền lãi là 2.000.000 đồng. Việc bà Ngô Thị G trình bày là bà G có trả cho tôi số tiền gốc là 8.000.000 đồng là không đúng sự thật.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2023, tôi yêu cầu bà Ngô Thị G phải hoàn trả cho tôi số tiền vay gốc là 10.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 31/3/2022 đến ngày 07/3/2023 là 1.990.000 đồng, tổng cộng là 11.990.000đ (Mười một triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ngô Thị G phải hoàn trả cho tôi số tiền vay gốc là 10.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 01/4/2021 âm lịch cho đến ngày Tòa án xét xử, tôi đồng ý cấn trừ tổng số tiền lãi mà bà Ngô Thị G đã trả cho tôi là 5.000.000 đồng vào tổng số tiền vay gốc và số tiền lãi mà bà Ngô Thị G phải trả cho tôi. Tôi không yêu cầu Tòa án xem xét việc thế chấp căn nhà của bà Ngô Thị G, để tôi và bà Ngô Thị G tự giải quyết vấn đề này.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/3/2023 (BL 39), bà Ngô Thị G trình bày:*

Vào ngày 01/4/2021 âm lịch, tôi có vay của bà Trương Thị N số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1.500.000 đồng/tháng, tiền lãi phải trả hàng tháng, thời hạn vay là 12 tháng. Khi tôi vay tiền của bà N thì hai bên có ký kết "Giấy vay tiền, thế chấp căn nhà" ngày 01/4/2021, việc ghi nội dung tôi thế chấp cho bà Trương Thị N căn nhà sàn của tôi đang ở là để bà Trương Thị N tin tưởng mà cho tôi vay tiền, chứ thực tế không có việc thế chấp này, nhà không có giấy tờ, tôi vẫn trực tiếp quản lý, sử dụng nhà của tôi, khi đó có mặt tôi và bà Trương Thị N, con gái của tôi là chị Nguyễn Thị Phương D không tham gia và không biết sự việc này, chữ ký D và họ tên Nguyễn Thị Phương D có trong "Giấy vay tiền, thế chấp căn nhà" ngày 01/4/2021 là do tôi nhờ người ta ký thay chị D rồi tôi giao lại "Giấy vay tiền, thế chấp căn nhà" ngày 01/4/2021 cho bà Trương Thị N giữ. Sau khi vay tiền của bà N thì tôi có trả cho bà Trương Thị N tổng cộng được 5.000.000 đồng tiền lãi và 8.000.000 đồng tiền gốc, việc tôi thanh toán nợ cho bà N không có làm giấy tờ gì.

Nay tôi chỉ đồng ý trả cho bà Trương Thị N số tiền vay gốc là 2.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi cho bà N.

** Tại bản tự khai ngày 23/3/2023 (BL 43), chị Nguyễn Thị Phương D trình bày:*

Vào năm 2021, mẹ tôi là bà Ngô Thị G có vay của bà Trương Thị N số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1.500.000 đồng/tháng, thời hạn vay là 12

tháng kể từ ngày 01/4/2021 âm lịch đến ngày 01/4/2022 âm lịch, mẹ tôi đóng lãi vào ngày 02 đến ngày 04 hàng tháng, mẹ tôi có thế chấp cho bà Trương Thị N căn nhà mà tôi và mẹ tôi đang ở có chiều ngang là 4m, chiều dài là hơn 10m tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K nhưng không có sự đồng ý của tôi, mẹ tôi và bà Trương Thị N có làm "Giấy vay tiền, thế chấp căn nhà" ngày 01/4/2021 nhưng mẹ tôi không có giao tài sản thế chấp hay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N và tôi không ký tên vào văn bản này. Việc mẹ tôi thanh toán nợ vay cho bà N như thế nào thì tôi không biết.

Nay bà Trương Thị N khởi kiện yêu cầu mẹ tôi trả cho bà Trương Thị N số tiền vay gốc là 10.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 31/3/2022 đến ngày 07/3/2023 là 1.990.000 đồng thì tôi xác định tôi không có liên quan gì, không có tranh chấp gì trong vụ kiện này.

* *Tại phiên tòa,* bà Trương Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ngô Thị G phải hoàn trả cho bà Trương Thị N số tiền vay gốc là 10.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 01/4/2021 âm lịch cho đến ngày Tòa án xét xử, bà Trương Thị N đồng ý cấn trừ tổng số tiền lãi mà bà Ngô Thị G đã trả cho bà Trương Thị N là 5.000.000 đồng vào tổng số tiền vay gốc và số tiền lãi mà bà Ngô Thị G phải trả cho bà Trương Thị N, không yêu cầu Tòa án xem xét việc thế chấp căn nhà giữa bà Ngô Thị G và bà Trương Thị N trong nội dung "Giấy vay tiền, thế chấp căn nhà" ngày 01/4/2021.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trương Thị N, không xem xét việc thế chấp căn nhà giữa bà Ngô Thị G và bà Trương Thị N trong nội dung "Giấy vay tiền, thế chấp căn nhà" ngày 01/4/2021 do các đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Do phát sinh tranh chấp trong việc thanh toán tiền vay nên bà Trương Thị N khởi kiện bà Ngô Thị G tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào ngày 09/3/2023; bà Ngô Thị G có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Ngô Thị G không có yêu cầu phản tố, chị Nguyễn Thị Phương D không có yêu cầu độc lập. Do đó, đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo các quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản

1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1.2. Về việc vắng mặt bà Ngô Thị G, chị Nguyễn Thị Phương D tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-DS, ngày 07/4/2023 cho bà Ngô Thị G, chị Nguyễn Thị Phương D theo quy định của pháp luật, bà Ngô Thị G, chị Nguyễn Thị Phương D có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt (BL 44, 45), được sự thống nhất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và bà Trương Thị N, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Ngô Thị G, chị Nguyễn Thị Phương D theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị N:

2.1. Về việc vay tiền, thanh toán tiền vay:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/3/2023 (BL 39), bà Ngô Thị G thừa nhận là bà Ngô Thị G có vay của bà Trương Thị N số tiền là 10.000.000 đồng vào ngày 01/4/2021 âm lịch, lãi suất thỏa thuận là 1.500.000 đồng/tháng, tiền lãi phải trả hàng tháng, thời hạn vay là 12 tháng. Sau khi vay tiền của bà N thì bà Ngô Thị G có trả cho bà Trương Thị N tổng cộng được 5.000.000 đồng tiền lãi và 8.000.000 đồng tiền gốc, bà Ngô Thị G đồng ý trả cho bà Trương Thị N số tiền vay gốc là 2.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi.

Xét rằng:

Việc bà Ngô Thị G cho rằng bà Ngô Thị G đã thanh toán cho bà Trương Thị N 8.000.000 đồng tiền vay gốc nhưng bà Ngô Thị G không có giấy tờ gì để chứng minh và bà Trương Thị N không thừa nhận, nên Tòa án không chấp nhận khai nại này của bà Ngô Thị G.

Việc bà Ngô Thị G thanh toán tiền lãi cho bà Trương Thị N thì tuy bà Ngô Thị G không có làm giấy tờ gì nhưng được bà Trương Thị N tự nguyện thừa nhận, nên Tòa án ghi nhận.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án xét rằng:

Lãi suất cho vay do bà Trương Thị N và bà Ngô Thị G tự nguyện thỏa thuận là 15%/tháng (180%/năm)- vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Theo quy định của pháp luật đã viện dẫn nêu trên thì lãi suất thỏa thuận giữa bà Trương Thị N và bà Ngô Thị G chỉ được tính là 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng) thì số tiền lãi mà bà Ngô Thị G phải trả cho bà Trương Thị N từ ngày 01/4/2021 âm lịch (nhằm ngày 12/5/2021 dương lịch) đến ngày 04/5/2023 dương lịch là 4.933.000 đồng, cụ thể:

- Từ ngày 01/4/2021 âm lịch (nhằm ngày 12/5/2021 dương lịch) đến ngày 12/5/2022 dương lịch = [(10.000.000 đồng x 20%) : 12 tháng] x 12 tháng = 2.000.000 đồng.

- Từ ngày 12/5/2022 dương lịch đến ngày 04/5/2023 dương lịch = {[(10.000.000 đồng x 20%) : 12 tháng] x 150%} x 11 tháng 22 ngày = 2.933.000 đồng.

Như vậy, theo quy định của pháp luật, tổng số tiền vay gốc và số tiền lãi từ ngày 01/4/2021 âm lịch (nhằm ngày 12/5/2021 dương lịch) đến ngày 04/5/2023 dương lịch mà bà Ngô Thị phải trả cho bà Trương Thị N là 14.933.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Trương Thị N đồng ý cấn trừ tổng số tiền lãi mà bà Ngô Thị G đã trả cho bà Trương Thị N là 5.000.000 đồng vào tổng số tiền vay gốc và số tiền lãi mà bà Ngô Thị G phải trả cho bà Trương Thị.

Vậy, sau khi trừ số tiền lãi mà bà Ngô Thị G đã trả cho bà Trương Thị N trước đây là 5.000.000 đồng vào tổng số tiền vay gốc và số tiền lãi mà bà Ngô Thị G phải trả cho bà Trương Thị N là 14.933.000 đồng, Tòa án buộc bà Ngô Thị G phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trương Thị N tổng số tiền vay gốc và số tiền lãi còn lại là 9.933.000đ (Chín triệu chín trăm ba mươi ba ngàn đồng).

Việc bà Ngô Thị G thanh toán số tiền nêu trên cho bà Trương Thị N như thế nào thì thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ số tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.1. Về việc thế chấp căn nhà giữa bà Ngô Thị G và bà Trương Thị N trong nội dung "Giấy vay tiền, thế chấp căn nhà" ngày 01/4/2021:

Các đương sự đều thừa nhận là khi bà Ngô Thị G vay số tiền nêu trên của bà Trương Thị N thì hai bên có ký kết "Giấy vay tiền, thế chấp căn nhà" ngày 01/4/2021, việc ghi nội dung bà Ngô Thị G thế chấp cho bà Trương Thị N căn nhà sàn của bà Ngô Thị G đang ở là để làm tin cho việc bà Ngô Thị G vay tiền của bà Trương Thị N, chứ thực tế không có việc thế chấp này, nhà của bà Ngô Thị G không có giấy tờ, bà Ngô Thị G vẫn trực tiếp quản lý, sử dụng nhà của bà Ngô Thị G, khi đó có mặt bà Trương Thị N và bà Ngô Thị G, chị Nguyễn Thị Phương D không tham gia và không biết sự việc này, chữ ký D và họ tên Nguyễn Thị Phương D có trong "Giấy vay tiền, thế chấp căn nhà" ngày 01/4/2021 là do bà Ngô Thị G nhờ người ta ký thay chị D rồi bà Ngô Thị G giao lại "Giấy vay tiền, thế chấp căn nhà" ngày 01/4/2021 cho bà Trương Thị N giữ.

Do các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét việc thế chấp căn nhà giữa bà Ngô Thị G và bà Trương Thị N trong nội dung "Giấy vay tiền, thế chấp căn nhà" ngày 01/4/2021 nên Tòa án không xem xét, không giải quyết trong vụ án này, nếu có tranh chấp về sau thì các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trương Thị N.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bà Trương Thị N thuộc diện người cao tuổi và bà Trương Thị N có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, có đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm (BL 07, 35) nên bà Trương Thị N được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Ngô Thị G thuộc diện người cao tuổi và bà Ngô Thị G có đơn xin miễn nộp tiền án phí (BL 40) nên bà Ngô Thị G được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Phương D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

1- Buộc bà Ngô Thị G phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trương Thị N tổng số tiền vay gốc và số tiền lãi còn lại của khoản vay vào ngày 01/4/2021 âm lịch là 9.933.000đ (Chín triệu chín trăm ba mươi ba ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ số tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2- Về án phí:

Bà Trương Thị N được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Ngô Thị G được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Phương D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3- Về quyền kháng cáo: Bà Trương Thị N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án (04/5/2023); bà Ngô Thị G, chị

Nguyễn Thị Phương D có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS h Châu Thành, KG (khi án có hlpl);
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu Hương